

Số: /BC-UBND

Lai Châu, ngày tháng năm 2022

BÁO CÁO

Đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2022

Thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10/5/2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững; Công văn số 6925/BKHĐT-KHGDTNMT ngày 28/9/2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc báo cáo đánh giá tình hình thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững năm 2022, UBND tỉnh Lai Châu báo cáo kết quả như sau:

I. Bối cảnh quốc tế và trong nước tác động đến việc thực hiện mục tiêu phát triển bền vững (PTBV)

Năm 2022, tình hình thế giới có nhiều biến động nhanh, phức tạp, khó lường, nhiều vấn đề mới phát sinh chưa có tiền lệ, khó khăn hơn so với dự báo tại thời điểm xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2022. Cạnh tranh chiến lược nước lớn ngày càng gay gắt; xung đột quân sự Nga - U-crai-na xảy ra và còn kéo dài; lạm phát tăng mạnh ở nhiều quốc gia, xu hướng tăng lãi suất, thu hẹp chính sách tiền tệ, tài khoá dẫn đến suy giảm tăng trưởng kinh tế toàn cầu; rủi ro tài chính, tiền tệ gia tăng; nguy cơ mất ổn định an ninh năng lượng, an ninh lương thực ngày càng hiện hữu... Trong nước, áp lực lạm phát tăng cao; giá xăng, dầu, nguyên, vật liệu, các yếu tố đầu vào biến động mạnh, ảnh hưởng lớn đến nhiều ngành, lĩnh vực; trong khi đó, dịch bệnh, thiên tai, bão lũ diễn biến phức tạp, gây nhiều khó khăn, thiệt hại cho sản xuất và đời sống.

II. Tình hình tổ chức thực hiện các mục tiêu PTBV

1. Việc hoàn thiện hệ thống thể chế PTBV

Triển khai thực hiện Quyết định số 622/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Kế hoạch hành động quốc gia thực hiện Chương trình nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, UBND tỉnh Lai Châu đã ban hành Kế hoạch số 1640/KH-UBND ngày 13/8/2019 về triển khai thực hiện Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu, nội dung kế hoạch đã cụ thể hóa và phân công rõ nhiệm vụ, trách

nhiệm cụ thể của các sở ngành, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố, các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội trong việc thực thi, chỉ đạo, điều hành triển khai các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra.

2. Thực hiện lồng ghép các mục tiêu PTBV trong chiến lược, chính sách, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

UBND tỉnh đã chỉ đạo các cấp, các ngành triển khai thực hiện lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào Quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm giai đoạn 2021-2025 và hàng năm; các chương trình, đề án, kế hoạch phát triển các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh.

3. Cơ chế phối hợp và huy động sự tham gia của các bên liên quan trong thực hiện các mục tiêu PTBV

Thực hiện tốt cơ chế phối hợp và huy động sự tham gia của các bên liên quan trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Đẩy mạnh liên kết, phát triển vùng, xây dựng chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045. Huy động tham gia của các doanh nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức phi chính phủ thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững, từng bước nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân; đảm bảo sự bình đẳng trong các lĩnh vực. Tăng cường sự tham gia, đóng góp của các tổ chức, cá nhân trong công tác quy hoạch, kế hoạch, xây dựng cơ chế chính sách đảm bảo công khai, minh bạch.

4. Về tăng cường năng lực trong thực hiện các mục tiêu PTBV

Công tác đào tạo, tập huấn, truyền thông, giáo dục nhằm tăng cường năng lực cho cán bộ, công chức, viên chức và nâng cao nhận thức của xã hội về các mục tiêu phát triển bền vững được quan tâm thực hiện. Mở 91 lớp đào tạo, bồi dưỡng cho cán bộ, công chức, viên chức; tổ chức 268 buổi tuyên truyền lưu động; biên tập, đăng tải tuyên truyền được 8.659 tin, bài trên Cổng thông tin điện tử của tỉnh. Qua đó, góp phần tạo sự đồng thuận trong xã hội, cùng nỗ lực thực hiện để đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

5. Tổ chức theo dõi, giám sát, đánh giá các mục tiêu PTBV

Các chỉ tiêu, mục tiêu, nhiệm vụ được theo dõi, đánh giá kết quả thực hiện theo Kế hoạch số 1640/KH-UBND ngày 13 tháng 8 năm 2019 của UBND tỉnh về việc triển khai Chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh Lai Châu, Thông tư số 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về quy định bộ chỉ tiêu thống kê phát triển bền vững của Việt Nam.

6. Huy động nguồn lực trong và ngoài nước để thực hiện các mục tiêu PTBV: Tổng vốn đã huy động để thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững trên địa bàn tỉnh năm 2022: 7.377,49 tỷ đồng, trong đó nguồn vốn ngân sách nhà nước: 7.206,57 tỷ đồng, vốn ODA: 69,92 tỷ đồng, viện trợ phi chính phủ: 100,99 tỷ đồng.

7. Tình hình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số để thực hiện các mục tiêu PTBV

Tập trung xây dựng các mô hình ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, thực hiện các thí nghiệm nhằm hoàn thiện quy trình kỹ thuật trồng, nhân giống một số cây trồng lợi thế, ... đã xây dựng được 11 mô hình ứng dụng, chuyển giao 15 quy trình kỹ thuật cho bà con nông dân. Công tác sở hữu trí tuệ được tăng cường, cho phép sử dụng tên 06 địa danh của tỉnh và bản đồ một số địa phương để đăng ký quyền sở hữu công nghiệp cho 07 sản phẩm hàng hóa, đến nay có 35 nhãn hiệu được cấp văn bằng bảo hộ, trong đó có 07 nhãn hiệu chứng nhận cho các sản phẩm nông sản địa phương. Tăng cường hướng dẫn các địa phương, tổ chức, doanh nghiệp đăng ký nhu cầu đề nghị hỗ trợ tài chính trong chuyển giao, ứng dụng, đổi mới công nghệ và các hoạt động khoa học, công nghệ năm 2022.

Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý điều hành của các cơ quan nhà nước gắn với cải cách hành chính; duy trì tốc độ phát triển bưu chính, viễn thông bảo đảm tốt thông tin liên lạc phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của các cơ quan Đảng, chính quyền các cấp và nhu cầu của nhân dân; tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển hạ tầng mạng lưới bưu chính viễn thông theo hướng hiện đại với công nghệ cao. Khoảng cách về thông tin giữa các vùng, miền được thu hẹp.

III. Đánh giá tình hình thực hiện đối với từng mục tiêu PTBV

Năm 2022, tình hình dịch bệnh Covid-19 được kiểm soát, các hoạt động sản xuất kinh doanh dần phục hồi và đi vào ổn định; nhiều chỉ tiêu phát triển kinh tế đạt và vượt so với kế hoạch; tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP) năm 2022 ước đạt 8,96%, vượt kế hoạch (kế hoạch 7,7%), tăng 4,3 điểm % so với năm 2021; trong đó: ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản tăng 5,1%; công nghiệp và xây dựng tăng 13,2%; dịch vụ tăng 6,0%. Tổng sản phẩm trên địa bàn bình quân đầu người ước đạt 48,3 triệu đồng, vượt kế hoạch (kế hoạch 47,9 triệu đồng), tăng 3,9 triệu đồng so với năm 2021. Lĩnh vực văn hóa, xã hội tiếp tục được quan tâm và triển khai có hiệu quả; chất lượng giáo dục tiếp tục được cải thiện, dịch bệnh trên địa bàn cơ bản được kiểm soát, không có ca tử vong, các chính sách an sinh xã hội được thực hiện đầy đủ, kịp thời. Qua đó góp phần quan trọng thúc đẩy thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Kết quả cụ thể trên từng mục tiêu như sau:

1. Mục tiêu 1. Hạn chế tình trạng nghèo ở mọi nơi

Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các cơ chế, chính sách giảm nghèo đặc biệt là Chương trình MTQG giảm nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025; trong đó: chú ý giảm nghèo bền vững đối với các nhóm đối tượng dễ bị tổn thương, người dân tộc thiểu số, người khuyết tật, phụ nữ, trẻ em. Tạo điều kiện cho người thuộc hộ nghèo, hộ cận nghèo tiếp cận đầy đủ các dịch vụ xã hội cơ bản, góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống, giảm nghèo bền vững, hạn chế tác động tiêu cực của thiên tai, dịch bệnh. Đời sống của người nghèo từng bước được cải thiện, nâng cao. Ước thực hiện năm 2022, mức giảm tỷ lệ hộ nghèo chung của tỉnh là 3,68%, vượt 0,6 điểm% so với kế hoạch, cao hơn 0,7 điểm% so với năm 2021; trong đó, riêng các huyện nghèo giảm 5,0%, vượt 0,2 điểm% so với kế hoạch, cao hơn 0,7 điểm% so với năm 2021.

Thực hiện đúng, đủ, kịp thời và minh bạch các chính sách an sinh xã hội; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có công, người nghèo, trẻ em có hoàn cảnh khó khăn và các đối tượng khác theo quy định. Trao hơn 71 nghìn suất quà với tổng kinh phí 22.304,4 triệu đồng trong dịp Tết Nguyên đán; chúc thọ 358 người người cao tuổi trên địa bàn tỉnh; phân bổ 548,19 tấn gạo cứu đói giáp hạt cho 8.448 hộ; tổ chức thăm hỏi, tặng quà cho người có công, thân nhân người có công với cách mạng nhân kỷ niệm 75 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ 27/7 với 3.517 suất quà, trị giá 2.012,9 triệu đồng. Tăng cường công tác phòng, chống

xâm hại trẻ em, phòng, chống tai nạn, thương tích trẻ em; bảo đảm duy trì các dịch vụ trợ giúp xã hội; nâng cao năng lực và hiệu quả quản lý nhà nước về bình đẳng giới và công tác vì sự tiến bộ của phụ nữ.

Triển khai thực hiện tốt công tác đào tạo nghề, giải quyết việc làm cho người lao động. Ước thực hiện năm 2022, giải quyết việc làm cho 8.863 lao động, vượt 10,4% kế hoạch, tương đương năm 2021; đưa 225 lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng, vượt 55,2% kế hoạch, tăng 1,9 lần so với năm 2021; đào tạo 8.972 lao động, vượt 12,2% kế hoạch, tăng 10,5% so với năm 2021; tỷ lệ lao động qua đào tạo ước đạt 55,9%, đạt kế hoạch giao, tăng 2,4 điểm% so với năm 2021.

2. Mục tiêu 2: Xóa đói, đảm bảo an ninh lương thực, cải thiện dinh dưỡng và thúc đẩy phát triển nông nghiệp bền vững

Tổ chức tuyên truyền, phổ biến các chính sách, pháp luật về vệ sinh an toàn thực phẩm (VSATTP); quan tâm nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, kiểm tra, giám sát về VSATTP tại các cơ sở sản xuất, chế biến, kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống¹. Phổ biến kiến thức, hướng dẫn người dân chăm sóc sức khỏe, phòng chống bệnh; tăng số người cao tuổi được khám sức khỏe định kỳ 2 lần/năm; giáo dục nâng cao nhận thức trong việc đảm bảo chế độ dinh dưỡng cho phụ nữ mang thai và nuôi con dưới 2 tuổi; triển khai các hoạt động phòng chống suy dinh dưỡng về cân nặng, biểu đồ tăng trưởng cho trẻ em dưới 2 tuổi và dưới 5 tuổi tại 100% xã, phường, thị trấn.

Tiếp tục chỉ đạo các cấp, các ngành thực hiện tốt các mục tiêu đảm bảo an ninh lương thực; thực hiện sản xuất theo đúng tiến độ, mùa vụ; các vùng sản xuất tập trung ngày càng được mở rộng, việc đầu tư thâm canh, áp dụng các tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất được chú trọng. Tổng diện tích gieo trồng cây lương thực có hạt ước đạt 51.869 ha, sản lượng thu hoạch ước đạt 225.000 tấn, vượt kế hoạch 1.500 tấn; gieo cấy 3.936 ha lúa hàng hóa tập trung sử dụng các giống lúa chất lượng như: J02, Ség cù, Hương thơm số 1, Nếp 97, DS1, Vass 16, BC 15, Nếp địa phương. Công tác phát triển chăn nuôi được chỉ đạo, kiểm tra thường xuyên liên tục tại các địa phương như công tác tái đàn, phòng chống rét, phòng

¹ Trong năm 2022, đã kiểm tra 9.619 lượt cơ sở/4.532 cơ sở hiện có; đã phát hiện 355 cơ sở chưa chấp hành đầy đủ quy định VSATTP, xử lý phạt tiền 29 cơ sở với số tiền là 31,5 triệu đồng, tiêu hủy sản phẩm 123 cơ sở với số tiền trên 31 triệu đồng, nhắc nhở 326 cơ sở.

chống dịch bệnh, tiêm phòng... Tốc độ tăng đàn gia súc đạt 5%, đạt 100% kế hoạch; sản lượng thịt hơi các loại đạt 17.500 tấn, tăng 600 tấn so với năm 2021.

Hạ tầng nông thôn tiếp tục được quan tâm đầu tư, ước đến hết 2022 có 98,6% thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi; 96,2% hộ dân được sử dụng điện lưới quốc gia; 88,5% dân số nông thôn sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh.

Triển khai các giải pháp chủ động phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu. Tổ chức ứng trực 24/24 giờ khi có diễn biến thời tiết bất thường xảy ra để triển khai các biện pháp ứng phó kịp thời, thực hiện cảnh báo các khu vực có nguy cơ sạt lở, lũ quét; trong 10 tháng đầu năm, trên địa bàn tỉnh xảy ra một số đợt thiên tai (02 đợt rét đậm, rét hại, 12 đợt mưa dông, lốc) đã gây thiệt hại đến người và tài sản của nhà nước, Nhân dân. Đã tổ chức di chuyển, sơ tán 88 hộ dân ra khỏi vùng thiên tai đến nơi an toàn. Đến nay, hầu hết thiệt hại về nhà đã được khắc phục, cơ bản các tuyến giao thông đã thông suốt đảm bảo đi lại của Nhân dân².

3. Mục tiêu 3: Bảo đảm cuộc sống khỏe mạnh và tăng cường phúc lợi cho mọi người ở mọi lứa tuổi

Tiếp tục thực hiện các hoạt động truyền thông – giáo dục sức khỏe cho người dân. Công tác khám chữa bệnh được chú trọng, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động y tế như khám, tư vấn, hội chẩn, điều trị từ xa; kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại; tổ chức khám, chữa bệnh cho 813.767 lượt bệnh nhân. Chú trọng đào tạo, phát triển nguồn nhân lực y tế, ước hết năm 2022 đạt 12,23 bác sỹ/vạn dân.

Tổ chức tập huấn nâng cao năng lực chuyên môn chăm sóc sức khỏe sinh sản cho cán bộ y tế từ tỉnh đến cơ sở; cung cấp các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản thường xuyên cho phụ nữ có thai, phụ nữ trong độ tuổi sinh đẻ. Ước năm 2022, có 60% phụ nữ mang thai được khám thai ít nhất 3 lần trong 3 thời kỳ; 79% phụ nữ đẻ được nhân viên y tế đã qua đào tạo đỡ; 55% bà mẹ và trẻ sơ sinh được nhân viên y tế chăm sóc trong tuần đầu; tỷ suất chết của người mẹ trong thời gian mang thai sản/100.000 trẻ đẻ sống là 73/100.000 trẻ đẻ sống; tỷ suất chết trẻ < 1 tuổi là 29,37‰; tỷ suất chết trẻ < 5 tuổi là 42‰.

² Khắc phục 246 nhà bị hư hỏng, ảnh hưởng bởi thiên tai; tổng khối lượng đất đá sạt, sạt được hút dọn là trên 403.000 m³.

Duy trì tiêm chủng thường xuyên tại 100% xã, phường, thị trấn, chuẩn bị đầy đủ vắc xin, vật tư cần thiết cho công tác tiêm chủng mở rộng, đảm bảo an toàn tiêm chủng. Đến nay, 94,40% trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ 8 loại vắc xin; 89,46% phụ nữ có thai được tiêm phòng 2 mũi uốn ván trở lên (UV2+); 96,9% trẻ em 18 tháng tuổi được tiêm vắc xin Sởi - Rubella.

Công tác tuyên truyền, triển khai hoạt động phòng, chống HIV/AIDS được duy trì thường xuyên thông qua các hình thức truyền thông trực tiếp và truyền thông gián tiếp qua các phương tiện thông tin đại chúng; các hoạt động can thiệp giảm thiểu tác hại dự phòng lây nhiễm HIV đạt hiệu quả tích cực.³

Tổ chức giám sát, thực hiện nghiêm các biện pháp chống dịch bệnh; giảm thiểu việc lây truyền các dịch bệnh nguy hiểm, nhất là tại cửa khẩu, vùng biên giới: phát hiện 90 bệnh nhân sốt rét có ký sinh trùng thể P.Vivax, sử dụng 7.000 liều thuốc điều trị sốt rét; phát hiện 185 bệnh nhân lao, tỷ lệ được điều trị khỏi bệnh đạt 90%. Triển khai thực hiện có hiệu quả các chương trình phòng chống một số bệnh không truyền nhiễm: khám, phát hiện và điều trị cho 1.322 bệnh nhân tăng huyết áp, 123 bệnh nhân đái tháo đường, 38 bệnh nhân bướu cổ, 27 bệnh nhân Basedow.

Thực hiện đồng bộ các giải pháp đảm bảo trật tự an toàn giao thông đi đôi với việc xử lý nghiêm các vi phạm pháp luật về an toàn giao thông. Chỉ đạo các cấp, các ngành rà soát các vị trí điểm đen, điểm tiềm ẩn tai nạn giao thông trên các tuyến đường bộ để kiến nghị với Bộ Giao thông vận tải có phương án xử lý. Trong 10 tháng đầu năm tai nạn giao thông trên địa bàn tỉnh giảm cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ năm trước, xảy ra 34 vụ tai nạn giao thông làm 16 người chết, 29 người bị thương (giảm 11 vụ, 04 người chết, 24 người bị thương).

4. Mục tiêu 4: Đảm bảo nền giáo dục có chất lượng, công bằng, toàn diện và thúc đẩy các cơ hội học tập suốt đời cho tất cả mọi người

Thực hiện tốt chương trình giáo dục phổ thông mới; đổi mới hình thức, phương pháp dạy học, giáo dục theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, từng bước thu hẹp khoảng cách giáo dục giữa các vùng trong tỉnh.

³ Hiện tại, tỉnh có 8 cơ sở điều trị, 30 điểm cấp phát thuốc Methadone; có 2.015 bệnh nhân nghiện được điều trị bằng Methadone; 1.135 bệnh nhân hiện đang điều trị ARV (trong đó, 1.105 bệnh nhân là người lớn, 30 bệnh nhân trẻ là em); 7.550 phụ nữ mang thai được xét nghiệm HIV (trong đó, có 2 trường hợp dương tính) kịp thời phát hiện, điều trị dự phòng lây truyền từ mẹ sang con; 1.707 bệnh nhân HIV/AIDS còn sống được quản lý và 0,35% mắc HIV/AIDS còn sống; có 103/106 xã, phường, thị trấn có người nhiễm HIV/AIDS.

Thực hiện chính sách miễn giảm học phí theo quy định. Quan tâm đến công tác giáo dục hòa nhập cho trẻ khuyết tật; học sinh khuyết tật được chăm sóc, giáo dục đảm bảo công bằng, bình đẳng như những trẻ em khác. Năm học 2021 - 2022, toàn tỉnh có 142 trường với 1.353 học sinh khuyết tật được hòa nhập.

Thực hiện hiệu quả đề án tăng cường tiếng Việt cho trẻ em mầm non, học sinh tiểu học vùng dân tộc thiểu số; 100% trẻ là người dân tộc thiểu số ra lớp ở bậc mầm non được tăng cường tiếng Việt; 100% trẻ mẫu giáo 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non và được chuẩn bị tốt các kiến thức cơ bản để vào lớp 1; cấp Tiểu học có 99,62% học sinh người dân tộc thiểu số được đánh giá hoàn thành trở lên.

Thực hiện đề án phát triển giáo dục mầm non giai đoạn 2018-2025: Đổi mới công tác kiểm tra, đánh giá, thực hiện ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, chăm sóc, giáo dục trẻ đảm bảo tính thống nhất, khách quan, chính xác và kịp thời. Phối hợp với y tế hỗ trợ phòng chống suy dinh dưỡng đối với trẻ mầm non thông qua chế độ chăm sóc dinh dưỡng phù hợp, kết hợp với giáo dục phát triển vận động. Kết quả chăm sóc, giáo dục trẻ: 100% trẻ đến trường được đảm bảo an toàn về thể chất và tinh thần. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng thể nhẹ cân 17,8%, giảm 0,9 điểm % so với năm 2021.

Tiếp tục triển khai kế hoạch thực hiện Đề án “Giáo dục hướng nghiệp và định hướng phân luồng học sinh trong giáo dục phổ thông giai đoạn 2018 - 2025” trên địa bàn tỉnh. Năm học 2021 - 2022, 100% trường THCS, THPT có Chương trình Giáo dục hướng nghiệp gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ của địa phương; học sinh tốt nghiệp THCS, THPT tiếp tục học tập tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đào tạo trình độ sơ cấp, trung cấp đạt lần lượt là 13,6% và 5,3%.

Ban hành Quyết định 984/QĐ-UBND ngày 04/8/2022 phê duyệt Đề án nâng cao chất lượng xóa mù chữ trên địa bàn tỉnh Lai Châu giai đoạn 2022-2025. Năm 2022 toàn tỉnh mở 80 lớp xóa mù chữ với 1.630 học viên, dự kiến đến cuối năm 2022 tỷ lệ người trong độ tuổi từ 15 đến 60 biết chữ đạt 93,7%, tăng 0,8% so với năm 2021.

Đảm bảo tiếp cận công bằng cho tất cả nam và nữ đối với giáo dục nghề nghiệp, đào tạo nghề. Năm 2022 toàn tỉnh đã tuyển sinh, đào tạo được 8.972 chỉ tiêu, vượt kế hoạch 12%; trong đó: đào tạo trình độ cao đẳng, trung cấp 551

người; đào tạo trình độ sơ cấp và đào tạo thường xuyên 8.421 người, góp phần nâng tỷ lệ lao động qua đào tạo chuyên môn kỹ thuật lên 55,9%, tăng 2,5 điểm % so với 2021; trong đó cơ cấu tỷ lệ lao động qua đào tạo theo ngành: nông, lâm nghiệp và thủy sản 49,9%; công nghiệp – xây dựng 8,75%; dịch vụ 41,35%. Giải quyết việc làm cho 8.863 lao động.

5. Mục tiêu 5: Đạt được bình đẳng về giới, tăng quyền và tạo cơ hội cho phụ nữ

Tiếp tục thực hiện các mục tiêu về bình đẳng giới; tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức về bình đẳng giới cho cán bộ, nhân dân; tạo cơ hội cho phụ nữ, trẻ em gái được tiếp cận với các dịch vụ xã hội, học tập, làm việc trong môi trường bình đẳng. Ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực trên cơ sở giới giai đoạn 2021-2025; kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia về bình đẳng giới giai đoạn 2021-2025. Tiếp tục thực hiện Quyết định số 498/QĐ-TTg ngày 14/4/2015 của Thủ tướng chính phủ về phê duyệt đề án “Giảm thiểu tình trạng tảo hôn và hôn nhân cận huyết thống trong vùng dân tộc thiểu số giai đoạn 2015-2025”; tuyên truyền, nâng cao nhận thức của nhân dân về hậu quả và hệ lụy do tảo hôn, hôn nhân cận huyết⁴.

Công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức được tăng cường, gắn đào tạo với thu hút và sử dụng hiệu quả đội ngũ cán bộ; quan tâm đào tạo cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người dân tộc ít người. Năm 2022, tổng số nữ cán bộ, công chức, viên chức được đi đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn, lý luận chính trị là 118 người đạt 27% tổng số được cử đi đào tạo; bồi dưỡng quản lý nhà nước, kỹ năng, nghiệp vụ: 1.928 lượt người, đạt 44% tổng số được cử đi bồi dưỡng. Hiện tại, tỷ lệ các cơ quan quản lý nhà nước, chính quyền địa phương các cấp có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt 34,23 %⁵.

Thực hiện lồng ghép vấn đề bình đẳng giới vào việc thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội nhằm giảm khoảng cách giới trong lĩnh vực kinh tế, lao động, việc làm; tăng cường sự tiếp cận của phụ nữ nghèo ở nông thôn,

⁴ Trong năm, đã thực hiện treo 296 băng rôn tuyên truyền các thông điệp truyền thông Ngày Quốc tế Hạnh phúc, Ngày Gia đình Việt Nam; 62 lượt tuyên truyền bằng xe tuyên truyền lưu động tại các khu dân cư; 800 buổi sinh hoạt của câu lạc bộ Gia đình phát triển bền vững tại cơ sở; hiện có 73 mô hình phòng chống bạo lực gia đình với 431 nhóm phòng, chống bạo lực gia đình, 431 câu lạc bộ gia đình phát triển bền vững, trên 6.400 gia đình tham gia sinh hoạt câu lạc bộ; có 401 địa chỉ tin cậy tại cộng đồng.

⁵ Cụ thể: cơ quan quản lý nhà nước cấp tỉnh có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt 42,1%; cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt 48,45%; UBND cấp xã có lãnh đạo chủ chốt là nữ đạt 20%.

phụ nữ người dân tộc thiểu số đối với các nguồn lực kinh tế, thị trường lao động. Tạo điều kiện giúp đỡ các chị em hội viên phụ nữ vay vốn sản xuất, phát triển kinh tế, tăng thu nhập ổn định cuộc sống từ các nguồn vốn của Ngân hàng chính sách xã hội; vốn Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn,... Đến nay, tỷ lệ phụ nữ nghèo được vay từ các nguồn tín dụng chính thức, chương trình việc làm, giảm nghèo đạt 68%; tỷ lệ nữ làm chủ doanh nghiệp đạt 21%. Chỉ đạo các cơ quan báo chí, công thông tin điện tử, hệ thống thông tin cơ sở đẩy mạnh tuyên truyền, nâng cao năng lực cho phụ nữ trong tiếp cận công nghệ thông tin và truyền thông.

6. Mục tiêu 6: Đảm bảo đầy đủ và quản lý bền vững tài nguyên nước và hệ thống vệ sinh cho tất cả mọi người

Các công trình cấp nước sinh hoạt tiếp tục được đầu tư; đã thực hiện đầu tư xây dựng nhà máy cấp nước sạch cho thị trấn Nậm Nhùn. Ước đến hết năm 2022: Tỷ lệ dân số đô thị được cung cấp nước sạch đạt 98,7 %, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước sinh hoạt hợp vệ sinh đạt 87,5%.

Cấp nước cho sản xuất nông nghiệp: Toàn tỉnh có 959 công trình thủy lợi: 06 hồ chứa và 953 công trình tưới tự chảy cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất; tổng diện tích đảm bảo tưới tiêu, cấp nước 26.056 ha (17.787 ha lúa mùa, 6.434 ha lúa chiêm xuân, 1.281 ha rau màu, 47 ha cây ăn quả và 507 ha thủy sản).

Thực hiện tốt công tác cấp phép khai thác nguồn nước; kiểm soát chặt chẽ các hoạt động khai thác mặt nước và các hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước; cấp 20 giấy phép khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước. Công tác thanh, kiểm tra việc chấp hành pháp luật về tài nguyên nước của các cơ sở có hoạt động khai thác, sử dụng tài nguyên nước, xả nước thải vào nguồn nước (đặc biệt nước thải có chứa hóa chất độc hại) trên địa bàn tỉnh được quan tâm thực hiện. Qua đó nâng cao ý thức chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật về tài nguyên nước trong cộng đồng; đồng thời, phát hiện và xử lý các hành vi vi phạm.

Công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức cộng đồng trong bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục ô nhiễm nguồn nước được thực hiện dưới nhiều hình thức; tổ chức tập huấn bồi dưỡng kiến thức pháp luật về tài nguyên nước. Đổi mới, nâng cao chất lượng tổ chức gắn với hoạt động truyền

thông về các sự kiện như: Ngày Nước thế giới (22/3); Ngày khí tượng thế giới (22/3)...

7. Mục tiêu 7: Đảm bảo khả năng tiếp cận nguồn năng lượng bền vững, đáng tin cậy và có khả năng chi trả cho tất cả mọi người

Công nghiệp sản xuất điện tiếp tục được quan tâm phát triển; UBND tỉnh cho phép khảo sát, lập hồ sơ bổ sung vào Quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia 4 dự án gió trên địa bàn các huyện Than Uyên, Sìn Hồ, Nậm Nhùn, Mường Tè với tổng công suất khoảng 920MW. Trong năm, dự ước có 16 dự án thủy điện hoàn thành phát điện với tổng công suất 411 MW, nâng tổng số lên 46 dự án hoàn thành với tổng công suất lắp máy 2.331,5 MW; tỷ lệ hộ được sử dụng điện lưới quốc gia trên địa bàn tỉnh đạt 96,2%.

Tiếp tục tuyên truyền về tiết kiệm năng lượng, giảm thiểu tối đa điện năng tiêu thụ. Triển khai các chương trình: Gia đình tiết kiệm điện, tiết kiệm điện học đường, tiết kiệm điện trong công sở, tuyên phổ tiết kiệm điện; các chương trình trên sóng phát thanh, truyền hình về sử dụng năng lượng tiết kiệm và hiệu quả ... Các cơ sở sử dụng năng lượng trọng điểm đã thực hiện báo cáo định kỳ hàng năm về tình hình sử dụng năng lượng và lập kế hoạch sử dụng năm tiếp theo qua trang web <http://www.dataenergy.vn>.

8. Mục tiêu 8: Đảm bảo tăng trưởng kinh tế bền vững, toàn diện, liên tục; tạo cơ hội việc làm, năng suất lao động và môi trường làm việc tốt cho tất cả mọi người

Thực hiện Nghị quyết số 54/NQ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Chính phủ về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết của Quốc hội về Kế hoạch cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025, Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu đã ban hành Kế hoạch số 1555/KH-UBND ngày 13 tháng 5 năm 2022 để tổ chức triển khai thực hiện. Trong đó đã giao nhiệm vụ cụ thể cho các Sở, ban, ngành tỉnh, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố thực hiện các nhiệm vụ giải pháp để cơ cấu lại nền kinh tế giai đoạn 2021-2025 như: Cơ cấu lại đầu tư công; cơ cấu lại ngân sách nhà nước; cơ cấu lại các hệ thống tổ chức tín dụng; cơ cấu lại các đơn vị sự nghiệp công lập; phát triển thị trường quyền sử dụng đất

Tăng năng suất lao động thông qua đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế, chuyển đổi mô hình tăng trưởng, nâng cấp và đổi mới công nghệ, tập trung vào

các ngành tạo giá trị tăng cao và sử dụng nhiều lao động. Tranh thủ vốn từ nguồn khuyến công quốc gia cải tiến công nghệ máy móc, thiết bị nâng cao chất lượng, giá trị sản phẩm, năng lực cạnh tranh của cơ sở sản xuất, tạo việc làm cho lao động nông thôn với thu nhập ổn định.

Thực hiện tốt các Nghị quyết của Chính phủ và chương trình hành động của tỉnh về cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, hỗ trợ phát triển doanh nghiệp. Triển khai thực hiện bộ chỉ số năng lực cạnh tranh cấp sở, ngành và địa phương DDCI năm 2022. Tổ chức Tòa đàm phân tích chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI), chỉ số cải cách hành chính (PAR INDEX) tỉnh Lai Châu và công bố chỉ số đánh giá năng lực cạnh tranh (DDCI), chỉ số cải cách hành chính của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thành phố năm 2021.

Thực hiện tốt công tác tư vấn, hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp nhỏ và vừa; tư vấn, hỗ trợ các doanh nghiệp các chính sách ưu đãi đầu tư theo quy định. Cấp đăng ký thành lập mới 165 doanh nghiệp với tổng vốn đăng ký 4.000 tỷ đồng; Quyết định chủ trương đầu tư 20 dự án với vốn đăng ký đầu tư 6.211 tỷ đồng.

Trong năm, cùng với việc phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, lao động có xu hướng đi làm việc tại các doanh nghiệp trong tỉnh và các khu công nghiệp ngoài tỉnh ngày càng tăng; giải quyết việc làm cho 8.863 lao động, đưa 225 lao động đi làm việc có thời hạn ở nước ngoài theo hợp đồng (tăng 148 lao động so với năm 2021); hơn 1.656 lao động được tuyển dụng vào các doanh nghiệp trong và ngoài tỉnh. Xây dựng chương trình đào tạo nghề gắn với thị trường lao động và giải quyết việc làm. Hướng dẫn các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn tỉnh thực hiện các chính sách về: Hợp đồng lao động, kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất; quy định mức điều chỉnh tiền lương và thu nhập tháng đóng bảo hiểm xã hội; chính sách bảo hiểm thất nghiệp, an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ; trợ cấp thất nghiệp cho người lao động.

Thực hiện mục tiêu phát triển du lịch bền vững, tạo việc làm, tạo sản phẩm và dịch vụ có khả năng cạnh tranh với các tỉnh. Chỉ đạo triển khai thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TU ngày 17/02/2021 của BCH Đảng bộ tỉnh, Nghị quyết số 59/2021/NQ-HĐND ngày 10/12/2021 của HĐND tỉnh về “Bảo tồn và phát huy bản sắc văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc gắn với phát triển

du lịch giai đoạn 2021-2025, định hướng đến năm 2030”; nghiên cứu, xây dựng sản phẩm du lịch gắn với tăng cường xúc tiến, quảng bá. Ước năm 2022, thu hút được 762.000 lượt khách với doanh thu đạt 555,3 tỷ đồng.

Triển khai thực hiện hiệu quả các chính sách tiền tệ, tín dụng, đảm bảo ổn định thị trường tiền tệ trên địa bàn; thực hiện các biện pháp phù hợp để huy động các nguồn vốn nhân rộng trong các tổ chức kinh tế và dân cư, đồng thời tiếp tục thực hiện các giải pháp tháo gỡ khó khăn cho người dân và doanh nghiệp, hỗ trợ phục hồi phát triển kinh tế. Ước thực hiện đến 31/12/2022, tổng huy động vốn đạt 17.685 tỷ đồng, tăng 4,2% so với năm 2021, trong đó nguồn vốn huy động tại địa phương đạt 8.893 tỷ đồng, tăng 3%; tổng dư nợ đạt 16.890 tỷ đồng, tăng 4,5% so với năm 2021; tỷ lệ nợ xấu nội bảng là 1,3%/tổng dư nợ; tỷ lệ thanh toán không dùng tiền mặt chiếm hơn 87,7% tổng giao dịch thanh toán qua ngân hàng.

9. Mục tiêu 9: Xây dựng cơ sở hạ tầng có tính ổn định cao, thúc đẩy công nghiệp hóa toàn diện và bền vững, tăng cường đổi mới.

Tập trung huy động các nguồn lực đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng giao thông theo hướng đồng bộ, hiện đại. Đến nay hầu hết các tuyến quốc lộ, đường tỉnh đã và đang được đầu tư cải tạo, nâng cấp, góp phần rút ngắn thời gian lưu thông; phối hợp với Bộ Giao thông vận tải đẩy nhanh tiến độ dự án đường nối cao tốc Nội Bài - Lào Cai với thành phố Lai Châu; thực hiện các thủ tục liên quan đến dự án Hàm đường bộ qua đèo Hoàng Liên; thực hiện các bước xin cấp có thẩm quyền cho phép đầu tư xây dựng cảng hàng không Lai Châu theo hình thức đối tác công tư (PPP). Tiếp tục huy động, lồng ghép các nguồn vốn, các chương trình để đầu tư, phát triển hệ thống đường giao thông nông thôn. 100% xã có đường ô tô đến trung tâm xã mặt đường được cứng hóa; 98,5% thôn, bản có đường xe máy hoặc ô tô đi lại thuận lợi.

Phát triển hạ tầng công nghệ thông tin đến tất cả các vùng trên địa bàn tỉnh. Đến nay 100% xã, phường, thị trấn có điểm phục vụ bưu chính, viễn thông, internet đáp ứng nhu cầu của người dân; 100% xã, phường, thị trấn được phủ sóng mạng di động.

Triển khai các giải pháp thúc đẩy phát triển sản xuất công nghiệp nhằm đẩy mạnh cơ cấu lại ngành công nghiệp theo hướng hiện đại, duy trì tăng trưởng bền vững. Kết quả: Giá trị sản xuất công nghiệp (theo giá so sánh năm 2010)

năm 2022 ước đạt 6.705,5 tỷ đồng, tăng 14,7% so với năm 2021, trong đó giá trị sản xuất các ngành công nghiệp thành phần, gồm: Công nghiệp khai khoáng 151,6 tỷ đồng; công nghiệp chế biến, chế tạo 683,6 tỷ đồng; công nghiệp sản xuất và phân phối điện 5.826,1 tỷ đồng; công nghiệp cung cấp nước và xử lý rác thải 44,2 tỷ đồng. Đã triển khai thực hiện 07 đề án khuyến công với tổng kinh phí 1.093 triệu đồng, hỗ trợ cho các cơ sở công nghiệp nông thôn ứng dụng máy móc tiên tiến vào sản xuất, thiết kế mẫu mã, bao bì, nhãn sản phẩm, mở rộng thị trường tiêu thụ, tăng khả năng cạnh tranh. Đưa 63 sản phẩm OCOP của tỉnh lên sàn thương mại điện tử như: Postmart.vn (sàn bưu điện), Voso.vn (Viettel) để quảng bá, giới thiệu, kết nối tiêu thụ và xuất khẩu, như: Chè, gạo, miến dong, dược liệu, mật ong, cá, đông trùng hạ thảo, sâm Lai Châu,...

10. Mục tiêu 10: Giảm bất bình đẳng trong xã hội

Thực hiện lồng ghép với các chính sách giảm nghèo, đào tạo nghề, giải quyết việc làm góp phần nâng cao thu nhập và chất lượng đời sống của người dân trên địa bàn tỉnh. Thực hiện quy chế dân chủ ở cơ sở tiếp tục có những chuyển biến tích cực, được thể chế hóa, phù hợp và đem lại hiệu quả thiết thực, được nhân dân đồng tình ủng hộ; thực hiện tốt các nội dung phải bàn bạc với người dân và tạo điều kiện để người dân thực hiện quyền quyết định trực tiếp đối với các vấn đề. Công khai kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình dự án, quy hoạch đất, dân cư, mức giá bồi thường thu hồi đất của nhân dân, chủ trương vay vốn phát triển sản xuất. Xây dựng quy ước, hương ước theo hướng văn minh, tiến bộ, 100% thôn, bản, khu phố có quy ước.

Tỉnh tiếp tục thực hiện bình đẳng trong hưởng lợi ở các lĩnh vực như việc làm, y tế, giáo dục, bảo hiểm, trợ cấp,... Thực hiện lồng ghép vấn đề “bình đẳng trong hưởng lợi cho tất cả mọi người” trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hằng năm.

11. Mục tiêu 11: Phát triển đô thị, nông thôn bền vững, có khả năng chống chịu; đảm bảo môi trường sống và làm việc an toàn; phân bổ hợp lý dân cư và lao động theo vùng

Phê duyệt Chương trình phát triển nhà ở tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045. Hướng dẫn các địa phương thực hiện rà soát các đối tượng hộ nghèo, hộ cận nghèo có khó khăn về nhà, xây dựng Đề án hỗ trợ nhà ở cho hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chương trình mục tiêu quốc gia giảm

nghèo bền vững giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn các huyện nghèo của tỉnh (Sìn Hồ, Phong Thổ, Nậm Nhùn và Mường Tè). Tổ chức triển khai lập, thẩm định và phê duyệt quy hoạch chung, quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để làm cơ sở triển khai các dự án phát triển nhà ở, tạo điều kiện cho các hộ gia đình, cá nhân xây dựng, cải tạo nhà ở theo quy định. Tiếp tục triển khai các chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp, hợp tác xã và hộ kinh doanh thực hiện vay ưu đãi đối với dòng vốn đầu tư phát triển nhà ở xã hội cho người thu nhập thấp và thu nhập trung bình.

Quản lý rác thải tại đô thị, đảm bảo môi trường sống trong lành: đã ban hành Quyết định số 35/2022/QĐ-UBND ngày 26/9/2022 quy định về quản lý chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn sinh hoạt; phương tiện, tuyến đường và thời gian vận chuyển chất thải trên địa bàn tỉnh Lai Châu; Quyết định số 38/2022/QĐ-UBND ngày 13/10/2022 quy định thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải rắn y tế trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Tổng lượng chất thải rắn đô thị trên địa bàn tỉnh được thu gom xử lý hợp vệ sinh khoảng 38.209,607 tấn đạt 98,51%.

Đảm bảo mọi người dân được tiếp cận với hệ thống giao thông an toàn: xây dựng 40 tuyến vận tải hành khách cố định nội tỉnh đường bộ; phối hợp với các tỉnh, thành phố xây dựng 179 tuyến vận tải hành khách liên tỉnh đi đến 27 tỉnh, thành phố. UBND tỉnh ban hành Quyết định số 08/2022/QĐ-UBND ngày 21/03/2022 về việc ban hành quy định quản lý hoạt động của xe ô tô vận tải trung chuyển hành khách trên địa bàn tỉnh Lai Châu; phát triển dịch vụ vận tải taxi nhằm phục vụ của vận tải hành khách công cộng tại các bến xe, các nơi chưa có xe khách đi qua, đặc biệt là người cao tuổi, khách du lịch. Đến nay có 07 đơn vị với 170 phương tiện xe tham gia kinh doanh vận tải bằng xe taxi. Hiện tại Bến xe khách thành phố Lai Châu có đường lên xuống, nhà vệ sinh riêng cho người khuyết tật; 100% doanh nghiệp kinh doanh vận tải cam kết miễn cước (50%) cho người khuyết tật khi sử dụng dịch vụ vận tải.

12. Mục tiêu 12: Đảm bảo mô hình sản xuất và tiêu dùng bền vững

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chương trình hành động quốc gia về sản xuất và tiêu dùng bền vững đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030; tuyên truyền, phổ biến thực hiện các chính sách về sản xuất và tiêu dùng bền vững như: Phát triển ngành công nghiệp xanh, công nghiệp môi trường, công nghiệp tái chế chất thải; các chính sách thúc đẩy đầu tư, sản xuất, phân phối, xuất nhập

khẩu sản phẩm, công nghệ thân thiện với môi trường; hướng dẫn áp dụng các quy định, tiêu chuẩn về dán nhãn sinh thái gồm: Nhãn xanh, nhãn năng lượng, nhãn tái chế...; các quy định, hướng dẫn về thiết kế bền vững, thiết kế sinh thái, thiết kế để tái chế, tái sử dụng... nhằm tiết kiệm tài nguyên, nhiên liệu, nguyên vật liệu và giảm thiểu chất thải trong sản xuất và tiêu dùng; vận động xây dựng lối sống thân thiện với môi trường, hình thành ý thức bảo vệ môi trường, nâng cao nhận thức về sản xuất, tiêu dùng bền vững các sản phẩm thay thế nhựa và túi nilon trên địa bàn tỉnh.

Về nâng cao khả năng tiếp cận thị trường và thúc đẩy xuất khẩu các sản phẩm có tiềm năng thế mạnh của tỉnh: phổ biến các thông tin: quy định an toàn thực phẩm và kinh doanh động thực vật (SPS) của các nước thành viên WTO; tình hình thị trường mặt hàng nông sản của các nước Việt Nam đã ký FTA; cẩm nang hướng dẫn xuất khẩu rau quả chính ngạch sang thị trường Trung Quốc; các hội nghị, hội thảo liên quan đến xuất khẩu; ... Thông tin kịp thời đến các doanh nghiệp chính sách xuất nhập khẩu, nhu cầu nhập khẩu hàng hóa của thị trường các nước, nhất là thị trường Trung Quốc để có kế hoạch sản xuất kinh doanh phù hợp.

Quản lý chặt chẽ quá trình khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên; bảo đảm việc sử dụng hợp lý, hiệu quả và bền vững các nguồn tài nguyên đất, nước, rừng, khoáng sản ... các mỏ khoáng sản được cấp phép khai theo quy định, quy hoạch được duyệt; trong năm, đã quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư, nhà đầu tư dự án khai thác và chế biến mỏ đất hiếm Bắc Nậm Xe huyện Phong Thổ; cho phép khảo sát, lập bổ sung quy hoạch dự án điện gió vào Quy hoạch phát triển điện lực tại địa bàn các huyện: Mường Tè, Sìn Hồ, Than Uyên; công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng tiếp tục phát triển với các sản phẩm chủ yếu là đá xây dựng, cát, gạch; hết năm 2022 toàn tỉnh có 46 dự án thủy điện hoàn thành với tổng công suất lắp máy 2.331,5 MW.

Thực hiện nghiêm chế độ đăng ký hoạt động hóa chất, đặc biệt là đối với hóa chất độc hại; đã cấp 39 giấy phép sử dụng vật liệu nổ công nghiệp cho các đơn vị khai thác khoáng sản, thi công công trình đảm bảo đủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, an toàn, giảm thiểu tối đa ảnh hưởng tới môi trường và con người.

Quản lý chặt chẽ hoạt động xả thải, đặc biệt là các chất thải độc hại ra môi trường; cải thiện môi trường sống của người dân. Xây dựng kế hoạch và thực hiện chương trình Quan trắc hiện trạng môi trường tỉnh Lai Châu; hiện trạng

môi trường tỉnh Lai Châu có chất lượng tương đối tốt, đa số các thông số quan trắc và phân tích môi trường đều nằm trong giới hạn quy chuẩn Việt Nam tương ứng. Phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường và đề án bảo vệ môi trường chi tiết đối với 12 bãi chôn lấp chất thải rắn sinh hoạt trên địa bàn tỉnh. Trong năm, không có cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng ảnh hưởng tới cuộc sống, sức khỏe của nhân dân.

13. Mục tiêu 13: Ứng phó kịp thời, hiệu quả với biến đổi khí hậu và thiên tai

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 51-KH/TU ngày 23/11/2021 của Tỉnh ủy thực hiện Chỉ thị số 10-CT/TW ngày 25/9/2021 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác khí tượng thủy văn, đáp ứng yêu cầu xây dựng và bảo vệ Tổ quốc trên địa bàn tỉnh Lai Châu. Chỉ đạo thực hiện tốt công tác rà soát các điểm dân cư, các khu, điểm tái định cư, có nguy cơ xảy ra mưa đá, lốc, lũ quét, sạt lở đất,... để di chuyển các hộ nằm trong vùng nguy hiểm đến nơi an toàn; cập nhật diễn biến thời tiết, khí hậu nhất là vào mùa mưa lũ để kịp thời xử lý, khắc phục các tình huống do thiên tai. Tổ chức diễn tập phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trước mùa mưa lũ. Thường xuyên cập nhật thông tin về kịch bản biến đổi khí hậu Quốc gia để thực hiện các chương trình ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh. Lồng ghép nội dung phòng chống thiên tai, ứng phó với biến đổi khí hậu vào quy hoạch tỉnh Lai Châu thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến 2050 và các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh.

Chỉ đạo ngành Giáo dục và Đào tạo phối hợp với UBND các huyện, thành phố triển khai lồng ghép các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển bền vững về giáo dục, đào tạo vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, kế hoạch phát triển giáo dục hàng năm, trong đó có các giải pháp cụ thể để huy động học sinh ra lớp và nâng cao chất lượng giáo dục. Xây dựng trường học an toàn, phòng, chống tai nạn thương tích trong các cơ sở giáo dục.

Công tác truyền thông nâng cao nhận thức trong cộng đồng về giảm nhẹ rủi ro thiên tai được thực hiện thường xuyên; năng lực ứng phó của cộng đồng về phòng, chống thiên tai được nâng lên. Cùng cố xây dựng các công trình phòng chống thiên tai; thực hiện tu sửa hệ thống các công trình thủy lợi, nạo vét kênh mương đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất: xây dựng được 45

km kênh mương; toàn tỉnh có 985 công trình trong đó có: 05 hồ chứa, 980 công trình tưới tự chảy với chiều dài kênh mương là 2.268 km.

14. Mục tiêu 14: Bảo vệ và phát triển rừng bền vững, bảo tồn đa dạng sinh học, phát triển dịch vụ hệ sinh thái, chống sa mạc hóa, ngăn chặn suy thoái và phục hồi tài nguyên đất

Công tác phát triển và bảo vệ rừng tiếp tục được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, không chuyển đổi rừng tự nhiên sang mục đích sử dụng khác; diện tích rừng hiện có tiếp tục được bảo vệ nghiêm ngặt, ngăn chặn chặt phá rừng, bảo tồn đa dạng sinh học. Đôn đốc các đơn vị hoàn thiện phương án quản lý rừng bền vững, đến nay huyện Tam Đường đã hoàn thiện và được phê duyệt. Năm 2022, tổng diện tích rừng hiện có 474.055 ha; trong đó trồng mới 2.992 ha; tỷ lệ che phủ rừng đạt 51,7%. Thực hiện tốt công tác chi trả dịch vụ môi trường rừng (DVMTR), hoàn thành chi trả DVMTR năm 2021 cho người dân nhận bảo vệ rừng với tổng số 406.690 triệu đồng, tiếp tục triển khai thực hiện việc thu, chi tiền DVMTR năm 2022 theo quy định; qua đó góp phần giảm bớt khó khăn, ổn định cuộc sống cho người dân; nâng cao ý thức, trách nhiệm về công tác bảo vệ và phát triển rừng.

Tiếp tục thực hiện bảo tồn 7.500 ha vườn Quốc gia Hoàng Liên theo Quyết định số 1107/QĐ-BTNMT ngày 12/5/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường, 33.775 ha khu bảo tồn thiên nhiên huyện Mường Tè theo Quyết định 45/QĐ-TTg ngày 08/01/2014 của Thủ tướng Chính phủ; rừng đặc dụng tại khu vực này được bảo vệ nghiêm ngặt để bảo tồn nguồn gen, đa dạng sinh học, tạo môi trường sống cho các loài động vật, thực vật quý hiếm. Công tác tuần tra, canh gác, bảo vệ rừng được chỉ đạo thực hiện thường xuyên; phát hiện và xử lý nghiêm các hành vi khai thác, buôn bán, tiêu thụ trái phép động vật, thực vật hoang dã, đã xử lý 330 vụ vi phạm.

Tăng cường kiểm tra, kiểm soát và ngăn ngừa loài ngoại lai xâm hại; quản lý an toàn sinh học đối với sinh vật biến đổi gen. Hướng dẫn cán bộ hải quan tại cửa khẩu về kiểm soát sinh vật ngoại lai xâm hại.

15. Mục tiêu 15: Thúc đẩy xã hội bình đẳng, công bằng, ổn định và phát triển bền vững, tạo khả năng tiếp cận công lý cho tất cả mọi người; xây dựng các thể chế hiệu quả, có trách nhiệm giải trình và có sự tham gia ở các cấp

Tiếp tục triển khai hiệu quả Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động quốc gia về phòng, chống bạo lực gia đình trên địa bàn tỉnh. Chủ động phòng ngừa, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm pháp luật về phòng chống bạo lực. Tiếp tục thực hiện Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Thủ tướng Chính phủ về Quy định môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng chống bạo lực học đường; trong năm không phát hiện tình trạng bạo lực học đường.

Tiếp tục triển khai có hiệu quả pháp luật, chính sách về trẻ em, đặc biệt là các chương trình, chính sách về bảo vệ trẻ em; thực hiện Dự án 8 “Thực hiện Bình đẳng giới và giải quyết những vấn đề cấp thiết đối với phụ nữ và trẻ em” thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi năm 2022.

Tiếp tục thực hiện hiệu quả Kế hoạch số 1184/KH-UBND ngày 06/5/2021 của UBND tỉnh về thực hiện Chương trình phòng, chống mua bán người giai đoạn 2021 – 2025 và định hướng đến năm 2030. Công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức cho nhân dân được các cấp, các ngành chú trọng; từng bước nâng cao ý thức chấp hành pháp luật của các tầng lớp nhân dân, đề cao cảnh giác trước các thủ đoạn của tội phạm mua bán người.

Triển khai thực hiện tốt Luật Căn cước công dân, Quyết định số 06/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt Đề án phát triển ứng dụng dữ liệu về dân cư, định danh và xác thực điện tử phục vụ chuyển đổi số quốc gia giai đoạn 2022 - 2025, tầm nhìn đến năm 2030; duy trì 32 xã không có ma túy. Trong 10 tháng năm 2022, toàn tỉnh xảy ra 146 vụ tội phạm về trật tự xã hội (giảm 45 vụ so với năm 2021), điều tra làm rõ 134/146 vụ, bắt, xử lý 239 đối tượng; phát hiện bắt, tiếp nhận 467 vụ, 576 đối tượng phạm tội ma túy (giảm 08 vụ); phát hiện và xử lý 100 vụ việc vi phạm các quy định về quản lý kinh tế (tăng 05 vụ); phát hiện, xử lý 204 vụ việc vi phạm về môi trường (tăng 91 vụ).

Ban hành kế hoạch triển khai thực hiện nhiệm vụ xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật lồng ghép trong kế hoạch tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật; đến nay, toàn tỉnh có 105/106 xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Xây dựng và thực hiện hiệu quả kế hoạch về cải thiện môi trường đầu tư, kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) năm 2022. HĐND tỉnh

ban hành Nghị quyết số 37/2022/NQ-HĐND ngày 20/9/2022 quy định mức chi phục vụ hoạt động hỗ trợ pháp lý cho doanh nghiệp nhỏ và vừa trên địa bàn tỉnh làm căn cứ để các cơ quan, đơn vị triển khai. Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị công khai minh bạch các thông tin về nghị quyết, quyết định do HĐND, UBND tỉnh ban hành; các chương trình, dự án, đề án, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các huyện, thành phố; ... theo quy định tại Điều 17 Luật Tiếp cận thông tin.

16. Mục tiêu 16: Tăng cường phương thức thực hiện và thúc đẩy đối tác toàn cầu vì sự phát triển bền vững

Các hoạt động đối ngoại được đẩy mạnh thực hiện theo Đề án mở rộng đối ngoại, chủ động hội nhập và hợp tác quốc tế giai đoạn 2021-2025 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh. Trong năm thực hiện thủ tục cho 63 đoàn/501 lượt người đến thăm, làm việc tại tỉnh và 02 đoàn/27 lượt người, 03 cá nhân đi công tác nước ngoài đảm bảo nhanh chóng, đúng quy định. Tổ chức, tham dự: Hội nghị gặp gỡ giữa các Bí thư Tỉnh ủy các tỉnh (Lai Châu, Điện Biên, Lào Cai, Hà Giang) và Bí thư Tỉnh ủy Vân Nam (Trung Quốc) năm 2022; Phiên họp lần thứ 8 Nhóm công tác Liên hợp giữa các tỉnh Lai Châu, Điện Biên, Hà Giang và tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Hội nghị trao đổi về lĩnh vực nông nghiệp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT 4 tỉnh biên giới phía Bắc Việt Nam với Sở Nông nghiệp tỉnh Vân Nam (Trung Quốc); Hội nghị giữa UBND tỉnh Lai Châu với Chính quyền quận Gorgyeong, tỉnh Gyeongsangbuk, Hàn Quốc trao đổi các nội dung liên quan đến đưa lao động tỉnh Lai Châu sang làm việc thời vụ tại Hàn Quốc; Hội nghị do Sở Công Thương chủ trì trao đổi với Ban Ngoại vụ tỉnh Vân Nam sớm khôi phục hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa qua cửa khẩu Ma Lù Thàng (Việt Nam) - Kim Thủy Hà (Trung Quốc); Hội đàm trực tuyến giữa Công an tỉnh với Công an 05 tỉnh Bắc Lào trong việc phối hợp công tác bảo đảm ANTT; Hội thảo xúc tiến sản phẩm chè vào thị trường Trung Đông, Bắc Phi và Nam Á tại Hà Nội. Tiếp tục hỗ trợ cho 11 tổ chức phi chính phủ nước ngoài đang triển khai, thực hiện dự án viện trợ cho tỉnh.

Chỉ đạo khảo sát, xác định các điều kiện mở cặp cửa khẩu tại Mốc số 17 huyện Mường Tè/Việt Nam - Giang Thành/Trung Quốc; tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng, chuẩn bị các điều kiện phục vụ lễ công bố cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng/Việt Nam - Kim Thủy Hà/Trung Quốc lên cửa khẩu quốc tế; triển khai các giải pháp mở lại hoạt động tại cửa khẩu Ma Lù Thàng. Ban hành Kế hoạch

thực Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Hiệp định RCEP), qua đó giúp doanh nghiệp có cơ hội mở rộng thị trường xuất khẩu sang các nước thành viên của Hiệp định RCEP; tổng giá trị xuất nhập khẩu ước đạt 37,19 triệu USD, bằng 73,2% kế hoạch, giảm 24% so với năm 2021; trong đó giá trị xuất khẩu hàng địa phương đạt 7,78 triệu USD, bằng 50,5% kế hoạch, giảm 50,2% so với năm 2021.

IV. Khó khăn, thách thức

Bên cạnh những kết quả đạt được, việc thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững còn một số khó khăn, thách thức như:

1. Khó khăn, thách thức chung

Lai Châu là tỉnh có xuất phát điểm thấp, địa hình chia cắt mạnh, giao thông đi lại khó khăn, quy mô kinh tế nhỏ, trình độ dân trí thấp; việc huy động các nguồn lực nhất là các nguồn lực xã hội để thực hiện các mục tiêu còn hạn chế. Các hiện tượng thiên tai, mưa lũ vẫn xảy ra ảnh hưởng đến đời sống, sản xuất của người dân. Việc thay đổi tập tục, thói quen canh tác, sản xuất của đồng bào dân tộc thiểu số cần nhiều thời gian.

Các mục tiêu phát triển bền vững được thực hiện lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội; chương trình, đề án, kế hoạch phát triển của từng ngành, lĩnh vực. Tuy nhiên, chưa gắn kết với nguồn lực nên việc triển khai thực hiện chủ yếu mang tính thống kê, theo dõi.

2. Khó khăn, tồn tại đối với thực hiện các mục tiêu cụ thể

Hoạt động xuất nhập khẩu còn nhiều khó khăn; tổng kim ngạch xuất nhập khẩu hàng hóa ước giảm 24% so với năm 2021. Do cặp cửa khẩu Ma Lù Thàng (Việt Nam) - Kim Thủy Hà (Trung Quốc) dừng nhập khẩu các mặt hàng từ Việt Nam, đến cuối tháng 5/2022 mới được khôi phục trở lại, tuy nhiên các mặt hàng nông sản tươi như chuối chưa được phía Trung Quốc nhập khẩu đã ảnh hưởng đến việc xuất khẩu các mặt hàng nông sản của tỉnh.

Tỷ lệ hộ nghèo cao hơn so với mặt bằng chung cả nước, số hộ thoát nghèo đa số vẫn rơi vào hộ cận nghèo nên nguy cơ tái nghèo cao.

Tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng chậm; quy mô, trang thiết bị, biên chế cơ sở cai nghiện chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế, tỷ lệ người nghiện ma túy tăng

so với trước. Một bộ phận người dân đời sống còn nhiều khó khăn, nên tỷ lệ bao phủ bảo hiểm y tế tăng chậm.

Một số lĩnh vực thiếu nguồn nhân lực; thiếu lao động có tay nghề kỹ thuật cao. Công tác phối hợp giữa các cấp, ngành và các huyện, thành phố trong triển khai nhiệm vụ có lúc, có việc còn chưa chặt chẽ.

V. Giải pháp nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững năm 2023

Tăng cường công tác tuyên truyền nâng cao nhận thức của các cấp, các ngành, của toàn xã hội về thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Tiếp tục huy động sự tham gia của cả hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở, cộng đồng doanh nghiệp, cộng đồng dân cư trong thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững. Tăng cường vai trò Mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội giám sát thực hiện và phản biện xã hội trong quá trình triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

Thực hiện lồng ghép các mục tiêu phát triển bền vững vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; các chương trình, kế hoạch, đề án phát triển các ngành, lĩnh vực năm 2023 trên địa bàn tỉnh. Tăng cường công tác theo dõi, giám sát tình hình thực hiện các chỉ tiêu phát triển bền vững theo Thông tư 03/2019/TT-BKHĐT ngày 22 tháng 1 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Huy động các nguồn lực để triển khai thực hiện kế hoạch: Tăng cường nguồn lực tài chính công thông qua việc nâng cao hiệu quả hệ thống thuế, chính sách thuế; tiết kiệm chi tiêu công; đổi mới quản lý tài chính công theo hướng công khai, minh bạch; huy động các nguồn lực xã hội hóa thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp, các ngành, sự phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan trong triển khai thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững.

VI. Đề xuất kiến nghị thúc đẩy việc thực hiện các mục tiêu PTBV

1. Tiếp tục quan tâm bố trí nguồn lực để tỉnh thực hiện các mục tiêu phát triển bền vững; hoàn thiện kết cấu hạ tầng giao thông, y tế, giáo dục, ...

2. Các Bộ, ngành tham mưu Chính phủ bố trí vốn cho dự án Cấp điện nông thôn từ lưới điện Quốc gia tỉnh Lai Châu giai đoạn 2016-2020 được Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 4295/QĐ-BCT ngày 28/10/2016.

3. Bộ Tài chính, Bộ Tài nguyên và Môi trường sớm ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện nguồn kinh phí sự nghiệp bảo vệ môi trường phù hợp với quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

4. Xem xét có chính sách hỗ trợ cho đội ngũ tình nguyện, cộng tác viên làm công tác bình đẳng giới nhất là ở các xã vùng sâu, vùng xa, vùng đặc biệt khó khăn.

5. Ban hành các chính sách đặc thù về sắp xếp, bố trí dân cư trên tuyến biên giới, đầu tư xây dựng các công trình trên biên giới, nhất là các công trình kè bảo vệ bờ sông, suối, đường tuần tra, đường ra biên giới... phục vụ công tác quản lý bảo vệ biên giới theo hướng: ưu tiên bố trí vốn từ ngân sách Trung ương ngoài kế hoạch đầu tư công trung hạn cho các tỉnh biên giới đất liền giữa Việt Nam - Trung Quốc và kéo dài niên độ thanh toán vốn (Do phải có sự đồng ý của phía Trung Quốc theo Hiệp định về quản lý biên giới mới được triển khai thi công, tuy nhiên, thực tế thời gian phê chuẩn thường kéo dài do phụ thuộc Phân ban Trung Quốc dẫn đến chậm tiến độ thực hiện dự án, không giải ngân được hết kế hoạch vốn được giao theo niên độ ngân sách hàng năm).

6. Điều chỉnh tỷ lệ nguồn thu đối với các dự án thủy điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu tại cửa khẩu theo hướng tăng tỷ trọng nguồn thu được phân bổ lại cho các tỉnh (*Nhiệm vụ giải pháp trong Nghị quyết 11-NQ/TW "Sửa đổi chính sách tài chính, thuế đối với các thủy điện quan trọng và hoạt động xuất, nhập khẩu theo hướng tăng tỉ trọng nguồn thu được phân bổ cho các địa phương"*).

7. Sửa đổi, bổ sung một số chính sách về phát triển rừng:

- Nâng mức hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh không trồng bổ sung từ 3 triệu đồng/ha/6 năm (*theo quy định tại Quyết định số 38/2016/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ*) lên 6 triệu đồng/ha/6 năm.

- Nâng mức hỗ trợ trồng rừng phòng hộ từ 30 triệu/ha lên 40-45 triệu/ha; rừng sản xuất cây gỗ lớn từ 10 triệu/ha lên 20 triệu/ha; hỗ trợ khoanh nuôi xúc tiến tái sinh không trồng bổ sung từ 3 triệu đồng/ha/6 năm lên 6 triệu đồng/ha/6 năm.

- Nâng mức chi trả dịch vụ môi trường rừng: thủy điện từ 36 đồng/kWh lên 50 đồng/kWh, nước sạch từ 52 đồng/m³ lên 70 đồng/m³ (*quy định tại Nghị định 156/2018/NĐ-CP*); cho phép sử dụng một phần chi phí quản lý cấp tỉnh để thực hiện công tác đầu tư trồng rừng phòng hộ và hỗ trợ phát triển rừng sản xuất.

- Ban hành Đề án thí điểm nuôi trồng dược liệu dưới tán rừng (*nhất là rừng phòng hộ và rừng đặc dụng*); Đề án phát triển cây Sâm Việt Nam, trong đó có Sâm Lai Châu; Đề án phát triển du lịch gắn với vùng sinh thái rừng đặc dụng, rừng phòng hộ.

Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu kính gửi Bộ Kế hoạch và Đầu tư tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: VT, Th7.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Tổng Thanh Hải